

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

QUYỂN XXII

Phẩm 10: BỒ TÁT QUANG MINH BIẾN CHIẾU CAO QUÝ ĐỨC VƯƠNG 2

Này thiện nam! Đại Bồ-tát tu Đại Niết-bàn không nghe mà nghe như thế nào? Mười hai bộ loại kinh văn có nghĩa lý thâm thúy mà trước kia không nghe, hôm nay nhân kinh này được nghe đầy đủ, trước tuy được nghe nhưng chỉ nghe tên gọi, nay ở nơi kinh Đại Niết-bàn này mới được nghe nghĩa lý. Hàng Thanh văn, Duyên giác chỉ nghe tên gọi của mười hai bộ loại kinh văn mà không nghe nghĩa lý, nay ở kinh này được nghe đầy đủ. Đó gọi là không nghe mà nghe. Này thiện nam! Trong tất cả kinh của hàng Thanh văn, Duyên giác chưa từng nghe Đức Phật có thường, lạc, ngã, tịnh, không rốt ráo nhập diệt, Phật, Pháp, Tăng và Phật tánh không có tướng sai khác, phạm bốn tội nặng, hủy báng kinh điển Đại thừa, tạo tội ngũ nghịch và Nhất-xiển-đề đều có Phật tánh. Hôm nay, được nghe ở kinh này, đó gọi là không nghe mà nghe.

Khi ấy, Đại Bồ-tát Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu phạm giới trọng, hủy báng kinh điển Đại thừa, tạo tội ngũ nghịch và Nhất-xiển-đề đều có Phật tánh thì tại sao họ lại đọa vào địa ngục?

Bạch Thế Tôn! Giả sử những người đó có Phật tánh, thì sao lại nói là không có thường, lạc, ngã, tịnh?

Bạch Thế Tôn! Nếu dứt căn lành gọi là Nhất-xiển-đề, thì khi dứt căn lành tại sao Phật tánh không dứt? Phật tánh nếu dứt thì sao lại nói thường, lạc, ngã, tịnh? Như Phật tánh không dứt thì sao lại nói

Nhất-xiển-đề?

Bạch Thế Tôn! Phạm bốn tội nặng gọi là bất định, hủy báng kinh điển Đại thừa, tạo tội ngũ nghịch và tội Nhất-xiển-đề đều gọi là bất định. Nhưng những hạng này nếu là nhất định thì làm sao được thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác? Đắc Tu-đà-hoàn cho đến Phật-bích-chi cũng gọi là bất định; nếu Tu-đà-hoàn cho đến Phật-bích-chi là nhất định lẽ ra cũng không thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác!

Bạch Thế Tôn! Nếu phạm bốn tội nặng là bất định thì Tu-đà-hoàn cho đến Phật-bích-chi cũng là bất định. Bất định như vậy thì chư Phật Như Lai cũng lại bất định, nếu Phật bất định thì thể tánh của Niết-bàn cũng lại bất định, cho đến tất cả các pháp cũng lại bất định. Thế nào là bất định? Nếu Nhất-xiển-đề trừ Nhất-xiển-đề thì thành Phật đạo, và chư Phật Như Lai lẽ ra cũng như thế, nhập Niết-bàn rồi, đáng lẽ lại xuất ra không nhập Niết-bàn nữa, nếu như vậy thì tánh của Niết-bàn cũng là bất định. Vì bất định nên phải biết không có thường, lạc, ngã, tịnh. Thế sao lại nói: Nhất-xiển-đề v.v... sẽ được Niết-bàn?

Khi ấy, Đức Phật bảo Đại Bồ-tát Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương:

–Lành thay! Lành thay! Nay thiện nam! Vì muốn tạo lợi ích cho vô lượng chúng sinh, làm cho họ được an lạc, vì lòng từ bi thương xót tất cả thế gian, vì muốn tăng trưởng chư Bồ-tát phát tâm Bồ-đề, nên ông thưa hỏi những điều như vậy. Nay thiện nam! Ông đã gần gũi vô lượng chư Phật Thế Tôn ở đời quá khứ, ở chỗ chư Phật đã trồng các căn lành, từ lâu đã thành tựu công đức Bồ-đề, hàng phục các ma, làm cho chúng biến mất, đã giáo hóa vô lượng vô biên chúng sinh, đều làm cho họ đạt đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, từ lâu đã thông suốt tạng thâm diệu bí mật của Như Lai, đã từng hỏi những nghĩa lý bí mật, vi diệu, sâu xa như thế với vô lượng hằng hà sa chư Phật Thế Tôn quá khứ. Tất cả thế gian hoặc người, hoặc trời, hoặc Sa-môn, hoặc Bà-la-môn, hoặc Ma vương, hoặc Phạm vương, Ta đều không thấy ai thưa hỏi Như Lai nghĩa lý như

vậy. Nay ông nên thành tâm lắng nghe, Ta vì ông mà phân biệt giảng nói.

Này thiện nam! Nhất-xiển-đề cũng không nhất định, vì nếu là nhất định thì Nhất-xiển-đề không bao giờ được thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vì không nhất định nên có thể được. Như ông đã thừa, Phật tánh không dứt thì sao Nhất-xiển-đề lại dứt căn lành? Này thiện nam! Căn lành có hai loại: Một là trong, hai là ngoài. Còn Phật tánh chẳng phải trong, chẳng phải ngoài, do nghĩa này nên Phật tánh không dứt. Căn lành lại có hai: Một là hữu lậu, hai là vô lậu. Phật tánh chẳng phải hữu lậu, chẳng phải vô lậu nên không dứt. Lại có hai loại: Một là thường, hai là vô thường. Phật tánh chẳng phải thường, chẳng phải vô thường nên không dứt. Nếu là dứt được thì trở lại được, nếu không trở lại được thì gọi là không dứt, nếu dứt rồi thì gọi là Nhất-xiển-đề. Phạm bốn tội nặng cũng là bất định. Nếu nhất định thì phạm bốn tội nặng không bao giờ được thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; hủy báng kinh điển Đại thừa cũng là bất định, nếu là nhất định thì người hủy báng chánh pháp cũng không bao giờ được thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; tạo tội ngũ nghịch cũng là bất định, nếu là nhất định thì người tạo tội ngũ nghịch cũng không bao giờ được thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Sắc và tướng của sắc, cả hai đều bất định; tướng hương, vị, xúc, tướng sinh... cho đến tướng vô minh, tướng ấm, nhập, giới, tướng hai mươi lăm cõi, bốn loài chúng sinh v.v... cho đến tất cả các pháp cũng đều bất định.

Này thiện nam! Ví như nhà ảo thuật ở trong đám đông biến hóa bốn binh chủng, xe cộ, voi, ngựa, tạo ra các đồ trang nghiêm thân như chuỗi ngọc, và biến ra thành ấp, xóm làng, rừng cây, núi non, hồ suối, sông giếng v.v... Trong đám đông đó có các trẻ thơ, vì không có trí tuệ, nên lúc nhìn thấy đều cho đó là thật. Nhưng người trí thì biết đó là hư dối, do khả năng của ảo thuật làm mê hoặc mắt người. Này thiện nam! Tất cả phàm phu cho đến hàng Thanh văn, Phật-bích-chi v.v... đối với tất cả các pháp thấy có tướng nhất định, cũng lại như vậy, chư Phật Bồ-tát đối với tất cả các pháp không thấy tướng nhất định.

Này thiện nam! Ví như các trẻ thơ, vào mùa hạ thấy ánh nắng dọi cho là nước, người trí khi nhìn thấy ánh nắng này thì không bao giờ cho là nước thật, chỉ là ánh nắng dọi làm mê hoặc mắt người, chẳng phải là nước thật. Tất cả phàm phu, Thanh văn, Duyên giác thấy tất cả các pháp cũng lại như vậy, đều cho là thật. Còn chư Phật, Bồ-tát đối với tất cả các pháp đều không thấy có tướng nhất định.

Này thiện nam! Ví như khe núi, do tiếng mà có vang, trẻ thơ cho là tiếng thật, người trí biết là không thật, chỉ có tướng của tiếng hư dối vang lại nơi nhĩ thức. Này thiện nam! Tất cả phàm phu, Thanh văn, Duyên giác đối với tất cả các pháp cũng lại như vậy, đều thấy có tướng nhất định. Chư Phật, Bồ-tát v.v... hiểu rõ các pháp đều không có tướng nhất định mà thấy là tướng vô thường, tướng không tịch, tướng không sinh diệt. Do nghĩa này, nên Đại Bồ-tát thấy tất cả các pháp đều là tướng vô thường. Này thiện nam! Cũng có tướng nhất định. Thế nào là tướng nhất định? thường, lạc, ngã, tịnh. Ở đâu? Ở quả Niết-bàn.

Này thiện nam! Quả Tu-đà-hoàn cũng bất định, vì bất định nên trải qua tám vạn kiếp mới được tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Quả Tư-đà-hàm cũng bất định, vì bất định nên trải qua sáu vạn kiếp mới được tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Quả A-na-hàm cũng bất định, vì bất định nên trải qua bốn vạn kiếp mới được tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Quả A-la-hán cũng bất định, vì bất định nên trải qua hai vạn kiếp mới được tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Phật-bích-chi cũng bất định, vì bất định nên trải qua mười ngàn kiếp mới được tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Này thiện nam! Hôm nay Như Lai ở trong rừng Ta-la song thọ, tại thành Câu-thi-na, thị hiện nằm trên giường sư tử sắp nhập Niết-bàn, làm cho chúng đệ tử chưa chứng được quả A-la-hán và các lực sĩ rất lo buồn, cũng làm cho hàng trời, người, A-tu-la, Càn-thát-bà, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già v.v... thiết lễ cúng dường, muốn khiến mọi người dùng ngàn tấm vải lông quần thân Như Lai, bảy báu làm quan tài, đựng đầy dầu thơm, chất gỗ thơm để thiêu, chỉ trừ hai thứ không thể cháy được: Một là áo lót thân, hai là vải quần ở ngoài, cũng vì các chúng sinh nên phân chia Xá-lợi làm tám phần.

Tất cả hàng đệ tử Thanh văn đều nói Như Lai nhập Niết-bàn, phải biết Như Lai cũng không nhất định rốt ráo nhập Niết-bàn. Vì sao? Vì Như Lai thường trụ không biến đổi. Do nghĩa này nên Niết-bàn của Như Lai cũng bất định.

Này thiện nam! Phải biết Như Lai cũng bất định. Như Lai chẳng phải là Thiên. Vì sao? Vì có bốn bậc Thiên: Một là Thế gian thiên, hai là Sinh thiên, ba là Tịnh thiên, bốn là Nghĩa thiên. Thế gian thiên là các vị quốc vương, Sinh thiên là từ Tứ thiên vương cho đến trời Phi tưởng phi phi tưởng, Tịnh thiên là từ Tu-đà-hoàn cho đến Phật-bích-chi, Nghĩa thiên là Đại Bồ-tát Thập trụ v.v... Do nghĩa này nên Bồ-tát Thập trụ gọi là Nghĩa thiên. Vì có thể hiểu rõ nghĩa của các pháp. Thế nào là nghĩa? Đó là thấy nghĩa Không của tất cả các pháp. Này thiện nam! Như Lai chẳng phải quốc vương, cũng chẳng phải Tứ thiên vương, cho đến trời Phi tưởng phi phi tưởng và từ Tu-đà-hoàn cho đến Phật-bích-chi, Bồ-tát Thập trụ. Do nghĩa này nên Như Lai chẳng phải là Thiên, nhưng chúng sinh cũng gọi Phật là Thiên Trung Thiên. Bởi vậy, nên Như Lai chẳng phải Thiên, cũng chẳng phải chẳng phải Thiên; chẳng phải người, cũng chẳng phải chẳng phải người; chẳng phải quý, cũng chẳng phải chẳng phải quý; chẳng phải địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ, cũng chẳng phải chẳng phải địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ; chẳng phải chúng sinh cũng chẳng phải chẳng phải chúng sinh; chẳng phải pháp cũng chẳng phải chẳng phải pháp; chẳng phải sắc cũng chẳng phải chẳng phải sắc; chẳng phải cao cũng chẳng phải chẳng phải cao; chẳng phải thấp cũng chẳng phải chẳng phải thấp; chẳng phải tướng cũng chẳng phải chẳng phải tướng; chẳng phải tâm cũng chẳng phải chẳng phải tâm; chẳng phải hữu lậu cũng chẳng phải vô lậu; chẳng phải hữu vi cũng chẳng phải vô vi; chẳng phải thường cũng chẳng phải vô thường; chẳng phải huyễn cũng chẳng phải chẳng phải huyễn; chẳng phải tên gọi cũng chẳng phải chẳng phải tên gọi; chẳng phải định cũng chẳng phải chẳng phải định; chẳng phải hữu cũng chẳng phải vô; chẳng phải thuyết cũng chẳng phải chẳng phải thuyết; chẳng phải Như Lai cũng chẳng phải chẳng phải Như Lai. Do nghĩa này nên Như Lai bất định.

Này thiện nam! Vì sao Như Lai không gọi là Thế gian thiên?

Vì Thế gian thiên tức là quốc vương, còn Như Lai từ vô lượng kiếp lâu xa đã bỏ ngôi quốc vương, bởi vậy Như Lai chẳng phải là quốc vương. Chẳng phải chẳng phải quốc vương là, Như Lai thị hiện vào nhà của vua Tịnh Phạn ở tại thành Ca-tỳ-la-vệ, nên Như Lai chẳng phải chẳng phải quốc vương. Chẳng phải Sinh thiên là, vì Như Lai từ lâu đã xa lìa các cõi, nên chẳng phải là Sinh thiên. Vì sao chẳng phải chẳng phải Sinh thiên ? Vì lên trời Đâu-suất, xuống cõi Diêm-phù-đề, nên Như Lai chẳng phải chẳng phải Sinh thiên. Cũng chẳng phải là Tịnh thiên. Vì sao? Vì Như Lai cũng chẳng phải là Tu-đà-hoàn cho đến chẳng phải Phật-bích-chi, nên Như Lai chẳng phải là Tịnh thiên. Cũng chẳng phải chẳng phải Tịnh thiên. Vì sao? Vì tám pháp trong đời không thể ô nhiễm được. Ví như hoa sen không dính nước, bụi trần, nên Như Lai chẳng phải chẳng phải Tịnh thiên. Cũng chẳng phải Nghĩa thiên. Vì sao? Vì Như Lai chẳng phải là Bồ-tát Thập trụ, nên Như Lai chẳng phải là Nghĩa thiên. Cũng chẳng phải chẳng phải Nghĩa thiên. Vì sao? Vì Như Lai thường tu mười pháp nghĩa Không nên Như Lai chẳng phải chẳng phải Nghĩa thiên. Như Lai chẳng phải là người. Vì sao? Vì Như Lai vô lượng kiếp đã lìa khỏi cõi người, nên chẳng phải là người. Cũng chẳng phải chẳng phải người. Vì sao? Vì Như Lai thị hiện tại thành Ca-tỳ-la nên chẳng phải chẳng phải người. Như Lai chẳng phải quý. Vì sao? Vì không giết hại tất cả chúng sinh nên chẳng phải là quý. Cũng chẳng phải chẳng phải là quý. Vì sao? Vì cũng dùng hình tượng của quý để hóa độ chúng sinh nên chẳng phải chẳng phải quý. Như Lai cũng chẳng phải là địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ. Vì sao? Vì Như Lai từ lâu đã lìa các nghiệp ác nên chẳng phải là địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ. Cũng chẳng phải chẳng phải địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ. Vì sao? Vì Như Lai cũng thị hiện thọ thân trong ba đường ác để giáo hóa chúng sinh, nên chẳng phải chẳng phải địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ. Cũng chẳng phải là chúng sinh. Vì sao? Vì từ lâu đã lìa khỏi tánh chúng sinh, nên Như Lai chẳng phải là chúng sinh. Cũng chẳng phải chẳng phải là chúng sinh. Vì sao? Vì khi giảng nói phải hiện tướng chúng sinh, nên Như Lai chẳng phải chẳng phải là chúng sinh. Như Lai chẳng phải là pháp. Vì sao? Vì các pháp đều có các tướng khác nhau, còn Như Lai

thì không phải vậy, chỉ có một tướng, nên chẳng phải là pháp. Cũng chẳng phải chẳng phải là pháp. Vì sao? Vì Như Lai là pháp giới nên cũng chẳng phải chẳng phải pháp. Như Lai chẳng phải sắc. Vì sao? Vì không thu giữ trong mười sắc pháp, nên chẳng phải là sắc. Cũng chẳng phải chẳng phải sắc. Vì sao? Vì thân có ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp, nên chẳng phải chẳng phải sắc. Như Lai chẳng phải cao. Vì sao? Vì dứt trừ tất cả các sắc, nên chẳng phải cao. Cũng chẳng phải chẳng phải cao. Vì sao? Vì tất cả thế gian không ai thấy được tướng nhục kế đỉnh đầu của Như Lai, nên chẳng phải chẳng phải cao. Như Lai chẳng phải là thấp. Vì sao? Vì từ lâu đã xa lìa sự ràng buộc của kiêu mạn, nên chẳng phải thấp. Cũng chẳng phải chẳng phải thấp. Vì sao? Vì Trưởng giả Cù-sư-la mà thị hiện thân ba thước nên chẳng phải chẳng phải thấp. Như Lai chẳng phải là tướng. Vì sao? Vì từ lâu đã xa lìa tất cả các tướng nên chẳng phải tướng. Cũng chẳng phải chẳng phải tướng. Vì sao? Vì biết rõ tất cả các tướng, nên chẳng phải chẳng phải tướng. Như Lai chẳng phải là tâm. Vì sao? Vì tướng rỗng không như hư không, nên chẳng phải là tâm. Cũng chẳng phải chẳng phải tâm. Vì sao? Vì có mười trí lực và mười tâm pháp, cũng có thể biết rõ tâm của chúng sinh nên chẳng phải chẳng phải tâm. Như Lai chẳng phải là hữu vi. Vì sao? Vì có thường, lạc, ngã, tịnh nên chẳng phải là hữu vi. Cũng chẳng phải là vô vi. Vì sao? Vì thị hiện có đến, đi, ngồi, nằm và nhập Niết-bàn nên chẳng phải là vô vi. Như Lai chẳng phải là thường. Vì sao? Vì có thân phần đoạn nên chẳng phải là thường. Vì sao chẳng phải là thường? Vì có biết, pháp thường thì không biết giống như hư không. Như Lai có biết nên chẳng phải là thường. Vì sao chẳng phải là thường? Vì có nói năng, pháp thường thì không nói năng cũng như hư không. Như Lai có nói năng nên vô thường. Có tên họ nên gọi là vô thường, pháp không có tên họ mới gọi là thường, hư không là thường nên không có tên họ. Như Lai có họ là Cù-đàm nên vô thường, có cha mẹ nên gọi là vô thường, không có cha mẹ mới gọi là thường, hư không là thường nên không có cha mẹ. Phật có cha mẹ nên gọi là vô thường, có bốn oai nghi nên gọi là vô thường, không có bốn oai nghi mới gọi là thường, hư không là thường nên không có bốn oai nghi. Phật có

bốn oai nghi nên gọi là vô thường. Pháp thường trụ không có nơi chốn, hư không thường trụ nên không có nơi chốn. Như Lai xuất hiện tại Trung Thiên Trúc, trụ lại thành Xá-bà-đề (Xá-vệ), hoặc thành Vương-xá, vì vậy nên vô thường. Do nghĩa này nên Như Lai chẳng phải thường. Cũng chẳng phải chẳng phải thường. Vì sao? Vì sự sinh chấm dứt, pháp có sinh thì gọi là vô thường, pháp không sinh mới gọi là thường. Như Lai không sinh nên gọi là thường. Pháp thường trụ không có tánh, pháp có tánh là vô thường. Như Lai không sinh, không tánh vì không sinh, không tánh gọi là thường. Pháp có thường thì cùng khắp tất cả chỗ giống như hư không, không có chỗ nào là không có. Như Lai cũng vậy, cùng khắp tất cả chỗ nên gọi là thường, còn pháp vô thường thì hoặc nói chỗ này có, hoặc nói chỗ kia không. Như Lai không phải như thế, không thể nói rằng chỗ này có, chỗ kia không, nên gọi là thường. Pháp vô thường thì có lúc có, có lúc không. Như Lai không phải như thế, không phải có lúc có, có lúc không, nên gọi là thường. Pháp thường trụ không có danh, không có sắc. Hư không thường trụ không có danh, không có sắc. Như Lai cũng như vậy, không có danh, không có sắc, nên gọi là thường. Pháp thường trụ không nhân không quả. Hư không thường trụ nên cũng không nhân không quả. Như Lai cũng như vậy, không nhân không quả nên gọi là thường. Pháp thường trụ không thu giữ trong ba đời. Như Lai cũng như vậy, không thu giữ trong ba đời, nên gọi là thường.

Như Lai chẳng phải huyễn. Vì sao? Vì diệt trừ tất cả tâm giả dối, nên chẳng phải huyễn. Cũng chẳng phải chẳng phải huyễn. Vì sao? Vì Như Lai có lúc phân một thân thành vô lượng thân, vô lượng thân hợp thành một thân, thẳng qua núi, vách không gì chướng ngại, đi trên nước như đi trên đất, vào trong đất như vào nước, đi trên hư không như đi trên đất, thân tuôn ra khói lửa, như đóng lửa lớn, mây sấm chấn động, âm thanh khủng khiếp, hoặc hiện làm thành ấp, xóm làng, nhà cửa, núi sông, cây cối, hoặc hiện thân to lớn, hoặc hiện thân bé nhỏ, thân nam, thân nữ, thân đồng nam, đồng nữ, bởi thế nên Như Lai cũng chẳng phải chẳng phải huyễn.

Như Lai chẳng phải định. Vì sao? Vì Như Lai ở trong rừng Ta-la song thọ, tại thành Câu-thi-na, thị hiện nhập Niết-bàn, bởi vậy

chẳng phải định. Cũng chẳng phải chẳng phải định. Vì sao? Vì thường, lạc, ngã, tịnh nên Như Lai chẳng phải chẳng phải định.

Như Lai chẳng là hữu lậu. Vì sao? Vì đoạn trừ ba lậu nên chẳng phải là hữu lậu. Ba lậu là, tất cả phiền não nơi cõi Dục trừ vô minh, đó gọi là dục lậu; tất cả phiền não nơi cõi Sắc và Vô sắc trừ vô minh, đó gọi là hữu lậu; vô minh trong tam giới, gọi là vô minh lậu. Như Lai đã đoạn trừ vĩnh viễn, nên chẳng phải là lậu.

Lại nữa, tất cả phàm phu không thấy hữu lậu. Thế nào là phàm phu không thấy hữu lậu? Tất cả phàm phu đối với đời vị lai đều có tâm nghi. Trong đời vị lai sẽ có thân chẳng? Không có thân chẳng? Trong đời quá khứ thân vốn có chẳng? Vốn không có chẳng? Trong đời hiện tại thân có chẳng? Thân không có chẳng? Nếu có ngã thì là sắc chẳng? Chẳng phải sắc chẳng? Sắc chẳng phải sắc chẳng? Chẳng phải sắc chẳng phải chẳng phải sắc chẳng? Tưởng chẳng? Chẳng phải tưởng chẳng? Tưởng chẳng phải tưởng chẳng? Chẳng phải tưởng chẳng phải chẳng phải tưởng chẳng? Thân này lệ thuộc vào thứ khác chẳng? Không lệ thuộc vào thứ khác chẳng? Lệ thuộc không lệ thuộc chẳng? Chẳng phải lệ thuộc chẳng phải không lệ thuộc chẳng? Có mạng không thân chẳng? Có thân không mạng chẳng? Có thân có mạng chẳng? Không thân không mạng chẳng? Thân và mạng là thường chẳng? Vô thường chẳng? Thường, vô thường chẳng? Chẳng phải thường, chẳng phải vô thường chẳng? Thân và mạng do Tự Tại thiên tạo chẳng? Do thời tiết tạo chẳng? Không nhân tạo chẳng? Tánh thế gian tạo chẳng? Vi trần tạo chẳng? Pháp và chẳng phải pháp tạo chẳng? Người trí thức tạo chẳng? Phiền não tạo chẳng? Cha mẹ tạo chẳng? Ngã ở nơi tâm chẳng? Ở trong mắt chẳng? Đây khắp trong thân chẳng? Từ đâu đến? Đi đến đâu? Ai sinh? Ai chết? Ngã ở đời quá khứ là họ Bà-la-môn chẳng? Họ Sát-đế-lợi chẳng? Họ Tỳ-xá chẳng? Họ Thủ-đà-la chẳng? Đời vị lai sẽ thuộc vào chủng tánh nào? Thuở quá khứ thân này của ta là nam chẳng? Nữ chẳng? Súc sinh chẳng? Nếu ta sát sinh thì sẽ có tội chẳng? Không có tội chẳng? Cho đến uống rượu sẽ có tội chẳng? Không có tội chẳng? Ta tự tạo chẳng? Vì người khác tạo chẳng? Ngã thọ báo chẳng? Thân thọ báo chẳng? Tâm chúng sinh bị vô lượng

phiền não che lấp nên thấy những nghi kiến như vậy, do những nghi kiến ấy nên phát sinh sáu thứ tâm: Nhất định có ngã, nhất định không có ngã, ngã thấy là ngã, ngã thấy là không ngã, không ngã thấy là ngã, ngã tạo tác, ngã thọ nhận, ngã hiểu biết. Đó gọi là kiến chấp. Như Lai đã dứt hẳn vô lượng cội gốc tà kiến hữu lậu như vậy, nên chẳng phải hữu lậu.

Này thiện nam! Đại Bồ-tát tu hạnh Thánh trong Đại Niết-bàn cũng được dứt hẳn các lậu như vậy, chư Phật Như Lai thường tu hạnh Thánh, nên cũng vô lậu. Này thiện nam! Phạm phu không thể khéo thu giữ năm căn, nên có ba lậu, bị nghiệp ác lôi cuốn đến chỗ không tốt. Này thiện nam! Ví như ngựa chứng tánh hung dữ, có thể làm cho người cỡi đến chỗ nguy hiểm, người không khéo thu giữ năm căn này cũng như vậy, có thể làm cho người đó xa lìa đường lành Niết-bàn đến các chỗ ác. Ví như voi dữ tánh chưa thuần, người cỡi nó không thể điều nó theo ý mình mà nó sẽ đưa người xa lìa thành ấp đến nơi trống vắng. Không khéo thu giữ năm căn này cũng như vậy, chúng sẽ dắt người xa lìa thành ấp Niết-bàn đến chỗ đồng trống sinh tử. Này thiện nam! Ví như nịnh thần xúi vua làm ác, nịnh thần năm căn cũng vậy, thường dạy chúng sinh tạo vô lượng điều ác. Này thiện nam! Ví như con hư hỏng không vâng lời dạy của cha mẹ, sư trưởng, nên không có điều ác nào mà không làm, không điều phục năm căn cũng như vậy, không lãnh thọ lời dạy dỗ hiền lành của sư trưởng thì không có điều ác nào mà không tạo. Này thiện nam! Phạm phu không giữ được năm căn nên thường bị địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh tàn hại, cũng như giặc cướp hại người lành. Này thiện nam! Phạm phu không thu giữ năm căn chạy theo năm trần, ví như người chăn trâu không khéo giữ gìn để trâu làm hại lúa mạ của người. Phạm phu không thu giữ năm căn nên thường ở trong các cõi chịu nhiều khổ não. Này thiện nam! Đại Bồ-tát tu Đại Niết-bàn, khi hành Thánh hạnh thường có thể khéo điều phục thu giữ năm căn, kinh sợ tham dục, sân giận, ngu si, kiêu mạn, ganh ghét để được tất cả các pháp thiện. Này thiện nam! Nếu người nào có thể khéo giữ gìn năm căn thì thu giữ được tâm, nếu thu giữ được tâm thì thu giữ được năm căn. Ví như có người ủng hộ quốc vương thì ủng hộ nước nhà, ủng hộ

nước nhà thì ủng hộ quốc vương. Đại Bồ-tát cũng như vậy, nếu được nghe kinh Đại Niết-bàn này thì được trí tuệ, nếu được trí tuệ thì được chuyên niệm, nếu năm căn phân tán thì chánh niệm có thể làm dừng lại. Vì sao? Vì là niệm tuệ. Đây thiện nam! Như người chăn trâu giỏi, giả sử trâu chạy chỗ này chỗ nọ ăn lúa mạ của người, thì liền ngăn chặn không để phá hại nhiều. Đại Bồ-tát cũng như vậy, nhờ nhân duyên tuệ nên thu giữ năm căn, không để tán loạn. Đại Bồ-tát nhờ có niệm tuệ nên không thấy tướng ngã, không thấy tướng ngã sở, không thấy chúng sinh và chỗ thọ dụng, thấy tất cả các pháp đồng tướng pháp tánh, sinh tướng đất, đá, ngói, sạn. Như nhà cửa nhờ các duyên mà sinh, không có tánh nhất định, thấy các chúng sinh do bốn đại, năm ấm hợp thành, không có tánh nhất định, vì không có tánh nhất định nên Bồ-tát ở trong ấy không sinh tham đắm. Tất cả phàm phu đều thấy có chúng sinh nên khởi các phiền não. Đại Bồ-tát tu Đại Niết-bàn, vì có niệm tuệ nên đối với chúng sinh không sinh tham đắm. Lại nữa, Đại Bồ-tát tu Đại Niết-bàn, không chấp trước tướng chúng sinh, hiện ra các pháp tướng. Đây thiện nam! Ví như họa sĩ dùng đủ thứ màu vẽ thành những hình tượng, hoặc nam, hoặc nữ, hoặc trâu, hoặc ngựa. Phàm phu không có trí tuệ, thấy như thế thì cho là có tướng nam, nữ v.v... còn họa sĩ thì biết rõ ràng không có nam, nữ. Đại Bồ-tát cũng như vậy, đối với tướng sai khác của các pháp, quán thấy một tướng, không bao giờ thấy có tướng chúng sinh. Vì sao? Vì có niệm tuệ. Đại Bồ-tát tu Đại Niết-bàn lúc thấy người nữ đẹp không hề sinh tâm tham trước. Vì sao? Vì khéo quán tướng. Đây thiện nam! Đại Bồ-tát biết năm dục là pháp không có niềm vui, không dừng nghỉ, như chó gặm xương khô, như người cầm lửa đi ngược gió, như rắn độc đứng trong tráp, như vật được trong chiêm bao, như cây ăn quả bên đường bị nhiều người hái, như bầy chim đuổi theo cục thịt, như bóng nước, như dầu vẽ trong nước, như dẹt hết chỉ, như người tù đi đến chợ, như mượn thế lực không được dài lâu. Đại Bồ-tát quán sát năm dục có nhiều tội ác như vậy. Đây thiện nam! Đại Bồ-tát quán sát các chúng sinh vì nhân duyên sắc, hương, vị, xúc nên từ vô số, vô lượng kiếp đến nay thường chịu khổ não. Trong một kiếp, mỗi một chúng sinh, xương nơi thân chất

cao như núi Tỳ-phú-la ở thành Vương-xá, sữa mẹ đã bú nhiều như nước bốn biển, máu huyết trong thân chảy ra nhiều như nước trong bốn biển, nước mắt khóc người chết như cha mẹ, anh em, vợ con, quyến thuộc càng nhiều hơn nước trong bốn biển, dùng tất cả cỏ cây trên mặt đất làm thẻ dài hơn bốn tấc để đếm cha mẹ cũng không thể hết. Từ vô lượng kiếp đến nay hoặc ở địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ đã chịu nhiều khổ não không thể tính đếm, vò nát trái đất này thành như trái táo còn có thể dễ hết, nhưng việc sinh tử khó hết. Đại Bồ-tát quán sát thâm sâu như thế, thấy tất cả chúng sinh vì nhân duyên năm dục nên chịu vô lượng sự khổ, Bồ-tát biết được sự khổ của sinh tử là vậy nên không mất niệm tuệ. Đây thiện nam! Ví như trong đời có các đám đông đầy chật cả hai mươi lăm dặm, nhà vua truyền một vị quan chức cầm một chén dầu đầy, đi qua giữa đám đông ấy mà không được làm đổ, nếu đổ một giọt thì sẽ bị tội chết. Lại sai một người cầm gương theo sau để khủng bố. Vị quan chức ấy vâng theo lệnh vua, chú tâm giữ vững chén dầu, đi qua khỏi đám đông như thế. Người ấy tuy không thấy năm thứ tà dục vừa ý, nhưng tâm thương nghĩ: “Nếu ta buông lung, tham đắm năm dục, thì sẽ bỏ mất thân mạng, không ai cứu giúp”. Người ấy vì nhân duyên sợ hãi nên không đổ một giọt dầu. Đại Bồ-tát cũng vậy, ở trong sinh tử không mất niệm tuệ, nên tuy thấy năm dục nhưng tâm không tham đắm, nếu thấy sắc đẹp, không sinh tướng sắc, chỉ quán tướng khổ, cho đến tướng thức cũng như vậy; không khởi tướng sinh, không khởi tướng diệt, không khởi tướng nhân, chỉ quán tướng hòa hợp. Lúc ấy năm căn của Bồ-tát đều thanh tịnh, vì năm căn thanh tịnh nên giữ gìn giới căn đầy đủ. Còn tất cả các phàm phu năm căn không thanh tịnh, không khéo giữ gìn nên gọi là căn lậu. Bồ-tát đã dứt hẳn nên gọi là vô lậu. Như Lai đã nhổ lên dứt hẳn cội gốc nên chẳng phải là lậu.

Lại nữa, đây thiện nam! Lại có xa lìa lậu, Đại Bồ-tát vì muốn được quả Phật cam lồ vô thượng nên xa lìa các ác lậu. Thế nào là xa lìa? Nếu có thể tu hành kinh Đại Niết-bàn, biên chép, thọ trì, đọc tụng, giảng nói, tư duy về ý nghĩa thì đó gọi là xa lìa. Vì sao? Đây thiện nam! Ta không thấy trong Mười hai bộ loại kinh văn có thể xa lìa được các lậu ác như kinh Đại Niết Bàn Phương Đẳng này. Đây

thiện nam! Ví như thầy giỏi dạy các đệ tử, trong hàng đệ tử có người thọ nhận lời dạy thì tâm không tạo việc ác. Đại Bồ-tát tu hành kinh điển vi diệu Đại Niết-bàn này cũng như vậy, tâm không tạo ác. Đây thiện nam! Ví như trong đời có chú thuật hay, nếu có ai một lần nghe được chú này thì trong vòng bảy năm về sau không bị trúng độc, rắn độc không cắn được. Nếu có người đọc tụng thì trọn đời không có hoạn nạn. Đây thiện nam! Cũng vậy, nếu có chúng sinh một lần nghe kinh Đại Niết-bàn này thì trọn bảy kiếp không bị đọa vào đường ác; nếu có người biên chép, đọc tụng, giảng nói, tư duy về nghĩa lý thì nhất định sẽ thấy Phật tánh, đắc quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, như bậc Thánh vương kia được vị cam lồ. Đây thiện nam! Kinh Đại Niết-bàn này có vô lượng công đức như vậy. Đây thiện nam! Nếu có người biên chép, đọc tụng, giảng nói, tư duy về nghĩa lý của kinh này, thì nên biết người ấy thật là đệ tử của Ta, khéo thọ nhận giáo pháp của Ta, là người mà Ta thường thấy, Ta thường nhớ, là người biết rõ Ta không nhập Niết-bàn. Tùy theo người này ở đâu, hoặc ở thành ấp, xóm làng, núi rừng, đồng trống, phòng xá, ruộng vườn, nhà cửa, lầu gác, cung điện v.v... thì Ta cũng ở tại đó, thường trụ không rời. Đối với người này Ta thường nhận sự cúng dường, hoặc hiện làm Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Bà-la-môn, Phạm chí, người nghèo khổ ăn xin.

Làm thế nào khiến cho người ấy biết được Như Lai thọ nhận vật mà người ấy cúng dường? Đây thiện nam! Người ấy trong giấc chiêm bao thấy hình tượng Phật, hoặc hình tượng Trời, Sa-môn, Quốc vương, Thánh vương, Sư tử vương; hoặc hình tượng hoa sen, hoa Ưu-đàm; hoặc thấy núi cao, nước biển lớn; hoặc thấy mặt trời, mặt trăng; hoặc thấy voi trắng, ngựa trắng; hoặc thấy cha mẹ, hoặc được hoa, quả, vàng, bạc, lưu ly, pha lê v.v... tất cả các thứ báu và năm vị của sữa bò. Khi ấy nên biết là Như Lai đã nhận sự cúng dường đó. Người ấy sau khi tỉnh dậy, vui mừng liền được các vật cần dùng, tâm không hề nghĩ ác, thích tu tập pháp thiện. Đây thiện nam! Kinh Đại Niết-bàn đều có thể thành tựu vô lượng vô biên vô số công đức không thể nghĩ bàn như vậy.

Này thiện nam! Nay ông phải tin nhận lời của Ta. Nếu thiện

nam, thiện nữ nào muốn thấy Ta, muốn cung kính Ta, muốn đồng với pháp tánh mà thấy Ta, muốn được định Không, muốn thấy thật tướng, muốn được tu tập định Thủ-lăng-nghiêm, định Sư tử vương, muốn phá trừ tám thứ ma (tám thứ ma ấy là: bốn ma, vô thường, vô lạc, vô ngã và vô tịnh), muốn được hưởng lạc trong loài người, hoặc trên trời, thì thấy có người thọ trì, biên chép, đọc tụng, vì người khác giảng nói, suy nghĩ nghĩa lý kinh Đại Niết-bàn, phải đến gần gũi, nương tựa, học hỏi, cúng dường, cung kính, tôn trọng, khen ngợi, vì họ mà rửa tay chân, sắp đặt giường chiếu và cung cấp bốn việc cần dùng đầy đủ không thiếu; nếu người ấy từ xa đến thì phải đón rước từ ngoài mười do-tuần, vì kinh ấy nên đem vật quý giá cúng dường; nếu không có vật dụng thì phải bán thân. Vì sao? Vì kinh này khó gặp hơn cả hoa Ưu-đàm. Nay thiện nam! Ta nhớ ở đời quá khứ vô lượng vô biên na-do-tha kiếp, lúc đó có thế giới tên là Ta-bà, có Đức Phật Thế Tôn hiệu là Thích Ca Mâu Ni Như Lai, Ứng Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn, vì hàng đại chúng mà nói kinh Đại Niết-bàn này. Thuở đó, từ những người bạn tốt mà Ta được nghe nói là Đức Phật ấy sẽ vì đại chúng nói kinh Đại Niết-bàn này, Ta nghe vậy rồi, tâm rất vui mừng muốn sắm sửa lễ vật cúng dường, nhưng vì nhà nghèo nên không có vật gì, muốn tự đem thân mình đi bán mà vì bạc phước nên không thể bán được, liền trở về nhà, giữa đường gặp một người liền nói: “Tôi muốn bán thân, ông có mua không?”. Người ấy đáp: “Việc của nhà ta, không ai làm được, nếu nhưng có thể làm thì ta sẽ mua”. Ta liền hỏi: “Ông có việc làm gì mà người làm không được?”. Người ấy đáp: “Ta có bệnh quái lạ, lương y cho thuốc mỗi ngày phải dùng ba lạng thịt người. Nếu người có thể dùng thịt của thân mình để mỗi ngày cung cấp ba lạng cho ta, thì ta sẽ trả với giá năm đồng tiền vàng cho người”.

Khi ấy, Ta nghe xong, tâm rất hoan hỷ. Ta nói: “Ông cho tôi tiền trước, sau bảy ngày lo xong công việc, tôi sẽ trở lại gặp ông”.

Người ấy đáp: “Bảy ngày không thể được, có thể cho người một ngày thôi”.

Nay thiện nam! Khi ấy, Ta nhận tiền vàng rồi đem đến chỗ

Đức Phật, đầu mặt đánh lễ sát chân, đem hết tiền vàng dâng cúng, rồi chí tâm lắng nghe kinh này, tuy được nghe kinh mà chỉ thọ trì được một bài kệ:

*Như Lai chứng Niết-bàn
Vĩnh viễn dứt sinh tử
Nếu ai dốc lòng nghe
Luôn được vui vô lượng.*

Nghe kệ xong, liền trở lại nhà người bệnh. Đây thiện nam! Khi ấy, tuy Ta cung cấp mỗi ngày ba lạng thịt, nhưng do nhân duyên nhớ nghĩ bài kệ nên không lấy làm đau đớn, đầy đủ một tháng, không bỏ ngày nào. Đây thiện nam! Do nhân duyên này nên người ấy lành bệnh và thân Ta cũng bình phục không thương tổn. Bấy giờ, Ta thấy thân của mình đầy đủ nguyên vẹn, liền phát tâm Bồ-đề vô thượng. Hiệu lực của một bài kệ mà còn như thế, huống gì là thọ trì, đọc tụng đầy đủ kinh này! Ta nghe thấy kinh này có lợi ích như vậy nên càng phát tâm thêm, nguyện đời vị lai được thành Phật hiệu là Thích Ca Mâu Ni.

Này thiện nam! Do nhân duyên diệu lực của một bài kệ, nên khiến Ta ngày nay ở trong đại chúng, vì hàng trời, người mà diễn nói đầy đủ kinh này. Đây thiện nam! Do nhân duyên này nên kinh Đại Niết-bàn không thể nghĩ bàn, thành tựu vô lượng vô biên công đức, cho đến tạng pháp bí mật sâu xa của chư Phật Như Lai. Do vậy, người nào có thể thọ trì kinh này thì xa lìa các lậu ác. Lậu ác ấy là voi dữ, ngựa chướng, bò dữ, chó dữ, rắn độc, chỗ có gai độc, núi sâu vực thẳm, dòng nước xoáy, người ác, nước ác, thành ác, nhà ác, bạn ác v.v... những thứ ác như vậy, nếu làm nhân cho lậu thì Bồ-tát liền xa lìa; nếu không thể làm nhân thì không xa lìa; nếu tăng trưởng hữu lậu thì liền xa lìa, còn không tăng trưởng thì không xa lìa; nếu làm các pháp ác thì liền xa lìa, còn làm lành thì không xa lìa. Thế nào là xa lìa? Nghĩa là không cầm đao, trượng, luôn dùng phương tiện chánh tuệ để xa lìa. Cho nên gọi là chánh tuệ xa lìa. Vì sinh trưởng các pháp thiện thì xa lìa các pháp ác. Đại Bồ-tát tự quán sát thân mình như bệnh, như ghẻ lở, như ung nhọt, như oán giận, như bị mũi

tên ghim vào thân thể v.v... đó là những nỗi khổ lớn, là nguồn gốc của tất cả các pháp thiện và ác. Thân này tuy bất tịnh như vậy nhưng Bồ-tát vẫn sẵn sàng nuôi dưỡng. Vì sao? Chẳng phải là vì tham thân này mà chính là vì pháp thiện; vì Niết-bàn không vì sinh tử; vì thường, lạc, ngã, tịnh chứ chẳng phải vì vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh; vì đạo Bồ-đề không vì đạo nào khác; vì Nhất thừa không vì hàng Nhị thừa; vì thân ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp vi diệu; cho đến không vì thân chẳng phải hữu tướng chẳng phải vô tướng; vì vua Pháp luân không vì vua Chuyển luân. Nay thiện nam! Đại Bồ-tát phải giữ gìn thân thể. Vì sao? Nếu không giữ gìn thân mạng thì mạng sống không vẹn toàn, nếu không vẹn toàn thì không thể biên chép, thọ trì, đọc tụng, vì người khác giải nói, suy nghĩ nghĩa lý kinh Đại Niết-bàn. Cho nên Bồ-tát khéo giữ gìn thân mạng. Do nghĩa này nên Bồ-tát được xa lìa tất cả các ác lậu.

Nay thiện nam! Như người muốn qua sông phải khéo giữ gìn thuyền bè, như người đi đường phải khéo giữ gìn ngựa tốt, như người nông phu trồng trọt phải khéo giữ gìn phân bón, như vì chữa lành bệnh độc nên khéo giữ gìn rắn độc, như người vì của cải nên bảo hộ Chiên-đà-la, vì phá hoại giặc nên nuôi lực sĩ, cũng như người lạnh thì thích giữ gìn ngọn lửa, như người bị bệnh hủi thì mong cầu thuốc độc. Đại Bồ-tát cũng như vậy, tuy thấy thân này đầy đầy vô lượng sự nhơ nhớp, nhưng vì muốn thọ trì kinh Đại Niết-bàn nên phải giữ gìn nuôi dưỡng không để thiếu thốn.

Đại Bồ-tát xem voi ác và bạn ác đều bình đẳng không hai. Vì sao? Vì đều làm hại thân. Nhưng Bồ-tát đối với voi tâm ác không hề sợ hãi, còn đối với bạn ác thì tâm rất sợ hãi. Vì sao? Vì voi ác chỉ có thể hại được thân mà không hại được tâm, còn bạn ác thì đều hại cả hai; vì voi ác chỉ hại có một thân, còn bạn ác thì hại đến vô lượng thân lành và vô lượng tâm thiện; vì voi ác chỉ phá hại thân bất tịnh hôi thối, còn bạn ác thì có thể phá hoại cả thân và tâm thanh tịnh; vì voi ác chỉ có thể làm hại thân máu thịt, còn bạn ác thì làm hại đến pháp thân; vì voi ác khi giết hại thì không đọa vào ba đường ác, còn bạn ác mà giết hại thì chắc chắn đọa vào ba đường ác; vì voi ác chỉ là oán của thân, còn bạn ác là kẻ oán của pháp thiện. Vì vậy, Bồ-tát

thường phải xa lìa các bạn ác. Những lậu ác như thế, do phàm phu không xa lìa nên sinh lậu hoặc. Bồ-tát đã xa lìa nên không còn lậu hoặc, Bồ-tát mà không còn lậu hoặc như vậy hướng gì là Đức Như Lai! Cho nên Như Lai chẳng còn lậu hoặc.

Thế nào là gần gũi lậu hoặc? Tất cả phàm phu thọ nhận y phục, vật thực, đồ nằm thuốc thang là vì sự ưa thích của thân tâm vì tìm cầu những vật như vậy, nên tạo ra các tội ác, chẳng biết tội lỗi luân hồi trong ba đường ác, vì vậy gọi là lậu hoặc. Đại Bồ-tát thấy lỗi lầm như vậy, nên liền xa lìa. Nếu khi cần y phục thì liền nhận lấy, không vì thân mà chỉ vì pháp, không nuôi lớn tâm tánh kiêu mạn, tâm thường khiêm tốn, không vì trang sức mà chỉ vì hổ thẹn, vì ngăn che các thứ lạnh, nóng, gió, nước, sâu mọt, ruồi muỗi, rắn rết v.v... Tuy nhận vật thực uống ăn mà tâm không hề tham đắm, không vì thân mình mà luôn vì chánh pháp, không vì da thịt mà chỉ vì chúng sinh, không vì kiêu căng ngã mạn mà vì sức lực của thân, không vì giận hờn mà vì để trị bệnh đói khát, tuy được món ăn hảo hạng nhưng tâm không hề tham đắm. Thọ nhận phòng ốc nhà cửa cũng như vậy, tâm không còn sự trói buộc của tham lam kiêu mạn, vì nhà Bồ-đề mà ngăn ngừa giặc phiền não, vì ngăn che mưa gió nên mới nhận phòng ốc nhà cửa, cầu thuốc thang tâm không hề tham đắm, kiêu mạn, chỉ vì chánh pháp không vì mạng sống, không vì thân mạng bình thường. Nay thiện nam! Như người bị bệnh ung nhọt, dùng thuốc bôi lên rồi lấy vải băng lại, vì để rút máu mủ nên phải dùng thuốc đắp vào, vì muốn lành ung nhọt nên phải dùng đến thuốc, vì tránh gió độc nên ở trong nhà kín. Đại Bồ-tát cũng vậy, xem thân thể là ung nhọt nên dùng y phục để che, vì chín lỗ máu mủ (bất tịnh) mà tìm cầu sự uống ăn, vì tránh gió mưa mà thọ nhận phòng nhà, vì bốn thứ độc hại phát ra mà tìm cầu thuốc thang.

Bồ-tát thọ nhận bốn sự cúng dường vì đạo Bồ-đề chứ không vì mạng sống. Vì sao? Vì Đại Bồ-tát suy nghĩ như vậy: “Nếu mình không thọ nhận bốn sự cúng dường thì thân thể bị suy yếu, không còn vững chắc, nếu không vững chắc thì không chịu được khổ nhọc, nếu không chịu được khổ nhọc thì không thể tu tập pháp thiện. Còn có thể chịu được khổ thì tu tập được vô lượng pháp thiện, nếu mình

không thể chịu đựng được các khổ thì đối với khổ thọ, sinh tâm giận hờn, đối với lạc thọ, sinh tâm tham đắm; nếu tìm cầu lạc mà không được thì sinh mê muội. Vì vậy phàm phu đối với sự cúng dường, phát sinh hữu lậu.

Bồ-tát vì quán sát sâu xa nên không sinh hữu lậu. Vì vậy Bồ-tát gọi là vô lậu thì sao Như Lai gọi là hữu lậu được! Cho nên Như Lai không gọi là hữu lậu.

